

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **64** /2014/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **25** tháng **9** năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 1053
	Ngày: 30/9
	Chuyển: Ban hành

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng
vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội
vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 321/TTr-STNMT ngày 31 tháng 7 năm 2014 về việc đề nghị ban hành Quyết định quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

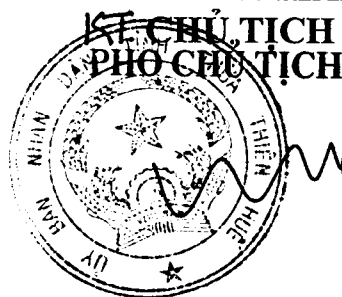
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh ban hành quy định về trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh; các quy định trước đây của UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, XD, TNMT, NNPTNT;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã và TP Huế;
- Đài TRT, Báo TT Huế (đăng tin);
- VP: các PCVP và các CV,
Cổng thông tin Điện tử TT Huế;
- Lưu VT, ĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Phan Ngọc Thọ

QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích
quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia,
công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Những nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi nhà nước thu hồi đất;
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Điều 3. Quy định nộp hồ sơ

Danh mục hồ sơ, giấy tờ hành chính thuộc danh mục hồ sơ phải nộp tại cơ quan thụ lý hồ sơ chỉ nộp một lần, cơ quan thụ lý có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, giấy tờ hành chính đã được nộp theo quy định tại khâu giải quyết thủ tục lần trước để giải quyết thủ tục lần sau.

Chương II

THU HỒI ĐẤT

Điều 4. Thẩm quyền thu hồi đất

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;
 - b) Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;
 - b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.
3. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

Điều 5. Căn cứ thực hiện việc thu hồi đất

Căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy định này;
2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án.

Điều 6. Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh

Thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh:

1. Làm nơi đóng quân, trụ sở làm việc;
2. Xây dựng căn cứ quân sự;
3. Xây dựng các công trình phòng thủ quốc gia, trận địa và các công trình đặc biệt về quốc phòng, an ninh;
4. Xây dựng ga, cảng quân sự;
5. Xây dựng các công trình công nghiệp, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh;
6. Xây dựng kho tàng của lực lượng vũ trang nhân dân;
7. Làm trường bắn, thao trường, bãi thử vũ khí, bãi hủy vũ khí;

8. Xây dựng nhà trường, bệnh viện, nhà an dưỡng của lực lượng vũ trang nhân dân;

9. Xây dựng nhà công vụ của lực lượng vũ trang nhân dân;

10. Xây dựng cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

Điều 7. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng

Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau đây:

1. Thực hiện các dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất;

2. Thực hiện các dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất, bao gồm:

a) Dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khu đô thị mới, dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

b) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; trụ sở của tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp quốc gia;

c) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc; hệ thống dẫn, chứa xăng dầu, khí đốt; kho dự trữ quốc gia; công trình thu gom, xử lý chất thải;

3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải;

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

đ) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản.

Điều 8. Thu hồi diện tích thửa đất còn lại không đảm bảo điều kiện cấp phép xây dựng nhà ở

1. Trong quá trình kiểm đếm theo Thông báo thu hồi đất, nếu diện tích thửa đất còn lại không đảm bảo điều kiện cấp phép xây dựng nhà ở theo quy định của UBND tỉnh thì thu hồi toàn bộ thửa đất và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

2. Kinh phí đền bù, hỗ trợ và tái định cư được bố trí từ nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng thuộc dự án thu hồi đất đó.

Chương III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THU HỒI ĐẤT

Điều 9. Thông báo thu hồi đất

1. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất có trách nhiệm ban hành thông báo thu hồi đất.

a) Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được phê duyệt, Chủ đầu tư có nhu cầu thu hồi đất để triển khai dự án liên hệ cơ quan Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án để nộp hồ sơ đề nghị ban hành Thông báo thu hồi đất, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị thu hồi đất;
- Dự án được lập, trong đó thể hiện rõ tiến độ sử dụng đất dự án;

b) Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Chủ đầu tư, Cơ quan Tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành văn bản thông báo thu hồi đất; hồ sơ trình gồm:

- Văn bản đề nghị thu hồi đất của Chủ đầu tư;
- Dự án được lập, trong đó thể hiện rõ tiến độ sử dụng đất dự án;

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt đối với phần nội dung có liên quan đến dự án thu hồi đất;

- Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác phải có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác

- Bản đồ ranh giới khu đất;

- Tờ trình kèm theo dự thảo Thông báo thu hồi đất.

2. Thời gian thực hiện: không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Thông báo thu hồi đất.

3. Kết quả: Thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất (mẫu số 01).

a) Nội dung của Thông báo thu hồi đất gồm kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất.

b) Thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là căn cứ pháp lý để tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và nhà đầu tư thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

c) Việc thông báo thu hồi đất được thực hiện trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất, tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư có đất thu hồi.

Điều 10. Ký hợp đồng thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Cơ quan thực hiện: Chủ đầu tư

Chủ đầu tư ký hợp đồng với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tổ chức thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng.

2. Thời gian thực hiện: Không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất.

3. Kết quả: Hợp đồng thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng giữa Chủ đầu tư và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Điều 11. Chuẩn bị hồ sơ địa chính khu đất thu hồi

1. Cơ quan thực hiện: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi

a) Trên cơ sở hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư, trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với đơn vị đo đạc để thực hiện việc trích đo, trích lục (đối với nơi đã

có bản đồ địa chính) hoặc thực hiện việc đo đạc (đối với những nơi chưa có bản đồ địa chính), lập hồ sơ địa chính phục vụ việc thu hồi đất. Việc lập hồ sơ địa chính khu đất thu hồi theo quy định sau:

- Đo đạc xác định mốc giới khu đất ngoài thực địa;
- Lập danh sách các thửa đất thu hồi với các nội dung: Số hiệu tờ bản đồ, số hiệu thửa đất, tên người sử dụng đất, diện tích, mục đích sử dụng đất.

b) Kinh phí thực hiện việc trích đo, trích lục hoặc đo đạc bản đồ do nhà đầu tư chi trả.

2. Thời gian thực hiện: Tùy theo tính chất quy mô sử dụng đất của dự án nhưng tối đa không quá 10 (mười) ngày làm việc cho mỗi dự án có quy mô dưới 1 ha và thời gian tối đa cho một dự án là không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày ký hợp đồng với chủ đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị đo đạc kiểm tra và ký xác nhận danh sách các thửa đất thu hồi. Thời gian để thực hiện việc kiểm tra ký xác nhận là không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ địa chính do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp.

4. Kết quả: Hồ sơ địa chính khu đất phục vụ việc thu hồi đất bao gồm bản đồ địa chính khu đất (*bản đồ địa chính dạng số và giấy*), trích lục bản đồ địa chính từng thửa đất, danh sách các thửa đất thu hồi với các nội dung: Số hiệu tờ bản đồ, số hiệu thửa đất, tên người sử dụng đất, diện tích, mục đích sử dụng đất.

Điều 12. kê khai, kiểm kê, xác định nguồn gốc đất đai, tài sản gắn liền với đất

1. Cơ quan thực hiện: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

Trên cơ sở hồ sơ địa chính đã chuẩn bị, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phát mẫu tờ khai và hướng dẫn người có đất thu hồi kê khai theo quy định.

2. Thời gian thực hiện: Việc kê khai và cung cấp giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người có đất thu hồi không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phát mẫu tờ khai.

3. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc kiểm tra xác định nội dung kê khai và thực hiện kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất trong thời gian không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để xác định nguồn gốc sử dụng đất; thời điểm sử dụng đất, loại đất thu hồi; Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã xác định nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, loại đất thu hồi là không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể

từ ngày nhận được hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp.

4. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực có đất thu hồi không phù hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất thực hiện.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày được vận động, thuyết phục mà người sử dụng đất vẫn không phù hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc (mẫu số 02). Người có đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. Trường hợp người có đất thu hồi không chấp hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc (mẫu số 03) và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 13. Thẩm định điều kiện bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất

1. Cơ quan thực hiện: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn chỉnh hồ sơ để nộp cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định điều kiện bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, hồ sơ nộp tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường gồm 02 (hai) bộ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định điều kiện bồi thường về đất;
- Biên bản kiểm kê đất đai và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người có đất thu đất;
- Tờ khai nguồn gốc sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

Trên cơ sở hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng nộp, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì thẩm định và ban hành văn bản thẩm định điều kiện bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất.

2. Thời gian thực hiện: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp.

3. Kết quả: Văn bản thẩm định điều kiện bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất của Cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

Điều 14. Xác định giá đất để tính tiền bồi thường, giao đất tái định cư

1. Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định giá đất cụ thể để tính

tiền bồi thường, tính thu tiền sử dụng đất tái định cư song song với quá trình nộp hồ sơ thẩm định điều kiện bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện theo Quy định về xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Lập và công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Cơ quan thực hiện: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

a) Căn cứ vào hồ sơ kiểm kê, văn bản thẩm định điều kiện bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và giá đất bồi thường, giá giao đất tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

b) Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi.

c) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến góp ý bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp ít nhất là 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày đưa ra niêm yết.

đ) Hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và trình cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian thực hiện: Tùy theo tính chất quy mô sử dụng đất của dự án nhưng tối đa không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc niêm yết, tiếp nhận ý kiến đóng góp. Đối với các dự án lớn, phức tạp thời gian có thể kéo dài thêm nhưng không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc và phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án.

3. Kết quả: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được hoàn chỉnh theo quy định của pháp luật.

Phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư gồm các nội dung chủ yếu sau: Họ và tên, địa chỉ của người có đất thu hồi; diện tích loại đất, vị trí, nguồn gốc

của đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại; căn cứ tính toán số tiền bồi thường, hỗ trợ như giá đất tính bồi thường, giá nhà, tài sản khác gắn liền với đất, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội; số tiền bồi thường, hỗ trợ; chi phí lập và tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; việc bố trí tái định cư; việc di dời các công trình nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư; việc di dời mồ mã.

Điều 16. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hồ sơ thu hồi đất

1. Cơ quan thẩm định:

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đồng thời thẩm định hồ sơ thu hồi đất đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đồng thời thẩm định hồ sơ thu hồi đất đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trình tự thực hiện:

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng liên hệ cơ quan Tài nguyên và Môi trường để nộp hồ sơ đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hồ sơ thu hồi đất, hồ sơ 2 (hai) bộ, gồm:

- Bản đồ địa chính khu đất (7 bản chính) và trích lục bản đồ địa chính từng thửa đất thu hồi;

- Tờ trình đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Biên bản niêm yết công khai lấy ý kiến của người dân và những người có liên quan về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bảng tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất thu hồi; biên bản kiểm kê đất và tài sản gắn liền với đất bị ảnh hưởng;

- Các văn bản khác có liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng của dự án (nếu có).

2. Thời gian thực hiện không quá 10 (mười) ngày làm việc đối với hồ sơ có dưới 25 thửa đất thu hồi, nhưng tối đa không quá 20 (hai mươi) ngày đối với một hồ sơ, kể từ ngày nhận được hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và hồ sơ đề nghị thu hồi đất.

3. Kết quả: Văn bản thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định

cư và văn bản thẩm định thu hồi đất của cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

Điều 17. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ban hành Quyết định thu hồi đất

1. Cơ quan phê duyệt:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và ban hành quyết định thu hồi đất đối với khu đất thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và ban hành quyết định thu hồi đất đối với khu đất thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, văn bản thẩm định thu hồi đất, Cơ quan Tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và ban hành Quyết định thu hồi đất; hồ sơ trình gồm:

- Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được thẩm định và bảng tổng hợp ý kiến đóng góp của người có đất thu hồi;

- Bản đồ địa chính khu đất (7 bản chính) và trích lục bản đồ địa chính từng thửa đất thu hồi;

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định thu hồi đất, dự thảo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Thời gian thực hiện không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và hồ sơ thu hồi đất do cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình.

Việc ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện trong cùng một ngày.

3. Kết quả: Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định thu hồi đất (mẫu số 04).

Điều 18. Công bố Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Thời gian không quá 3 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đến người có đất thu hồi và cho niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian kể từ ngày có quyết định thu hồi đến thời điểm kết thúc việc thu hồi. Trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc

đất tái định cư (nếu có); thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có); thời gian bàn giao bản gốc giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Điều 19. Trình tự, thủ tục chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt.

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chủ đầu tư có trách nhiệm chuyển toàn bộ kinh phí đã được phê duyệt cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chi trả cho người sử dụng đất có đất thu hồi.

2. Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí từ chủ đầu tư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm gửi thông báo lần thứ nhất bằng văn bản (mẫu số 05) cho người sử dụng đất có đất thu hồi đến tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Thời gian thực hiện việc chi trả lần thứ nhất không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

3. Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc chi trả tiền lần thứ nhất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tiếp tục gửi thông báo lần thứ hai bằng văn bản cho người sử dụng đất có đất thu hồi đến tại Ủy ban nhân dân cấp xã để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Thời gian thực hiện việc chi trả lần thứ hai không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

4. Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc chi trả tiền lần thứ hai, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tiếp tục thông báo lần thứ ba cho người sử dụng đất có đất thu hồi đến tại Ủy ban nhân dân cấp xã để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Thời gian thực hiện việc chi trả lần thứ ba không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

5. Trường hợp Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thông báo lần thứ ba cho người có đất thu hồi nhưng người có đất thu hồi không đến nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi khoản tiền chưa chi trả đó vào tài khoản tạm giữ của Kho Bạc nhà nước.

6. Trong trường hợp phải bố trí tái định cư thì đồng thời với việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt

bằng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giao đất, nhà tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân, bàn giao đất trên thực địa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc.

7. Khi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm thu hồi bản gốc các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) để chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường làm thủ tục thu hồi, chỉnh lý hoặc cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất không bị thu hồi. Người có đất thu hồi có trách nhiệm nộp bản gốc các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư.

8. Thời hạn để làm thủ tục thu hồi chỉnh lý hoặc cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất không bị thu hồi là không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến.

Điều 20. Bàn giao và quản lý quỹ đất đã thu hồi

1. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi theo phương án đã được xét duyệt thì người có đất thu hồi phải bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc thời hạn có thể sớm hơn nếu người có đất thu hồi tự nguyện, ủng hộ việc sớm bàn giao mặt bằng để triển khai dự án.

Việc bàn giao đất giữa Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và người có đất thu hồi phải lập thành biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

2. Sau khi đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất có trách nhiệm phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng quản lý quỹ đất đã thu hồi.

3. Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.

4. Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất (mẫu số 06) và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Xử lý các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014

Đối với các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì xử lý theo quy định sau đây:

1. Trường hợp đã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, giới thiệu địa điểm hoặc thông báo thu hồi đất gửi đến từng người có đất thu hồi hoặc văn bản cho phép chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng chưa có quyết định thu hồi đất thì xử lý như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng hình thức thu hồi đất hoặc chủ đầu tư nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, nếu phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chỉ đạo các tổ chức, cá nhân liên quan phải dừng thực hiện dự án nếu không phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Trường hợp thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh thuộc diện Nhà nước thu hồi đất nhưng cho phép chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất thuộc phạm vi dự án mà đến ngày 01 tháng 7 năm 2014 còn diện tích đất không thỏa thuận được thì Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi phần diện tích đất mà chủ đầu tư và người sử dụng đất không đạt được thỏa thuận để thực hiện dự án đầu tư.

2. Trường hợp đã có quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà chưa tổ chức thực hiện cưỡng chế thì việc cưỡng chế thu hồi đất phải thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, Ban ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các công trình dự án thu hồi đất;

b) Chủ trì công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định, chính sách về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

d) Chủ trì thẩm định việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

đ) Chủ trì, phối hợp với các ngành địa phương xác định giá đất cụ thể để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Sở Tài chính chủ trì xác định chi phí đầu tư trên đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức đang sử dụng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư, phương thức đầu tư;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư triển khai dự án sau khi có quyết định thu hồi đất.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất.

5. Các Sở, Ban ngành và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ về các lĩnh vực được giao có trách nhiệm phối hợp giải quyết hồ sơ thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ban hành thông báo thu hồi đất và phê duyệt Quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Chủ trì công tác thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

3. Chỉ đạo, tổ chức, điều hành các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện phối hợp thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất;

4. Cung cấp thông tin quy hoạch liên quan đến việc thực hiện dự án theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo thẩm quyền;

6. Quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

7. Định kỳ báo cáo kết quả thu hồi đất về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 hàng tháng.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thông báo, phổ biến rộng rãi chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án cho người sử dụng đất thuộc khu vực thu hồi đất biết để thực hiện;

2. Tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án;

3. Phối hợp với đơn vị đo đạc trong kiểm tra và xác nhận hồ sơ địa chính khu đất thu hồi;

4. Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định nguồn gốc sử dụng đất, tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, quyết định thu hồi đất;

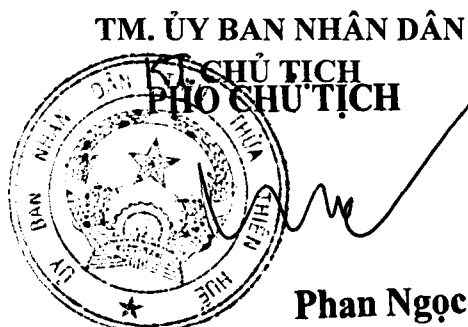
5. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

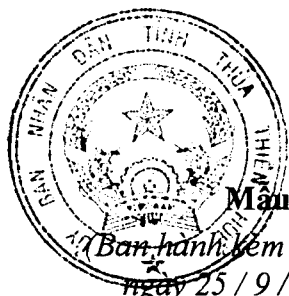
1. Phối hợp và tạo điều kiện trong việc đo đạc, kê khai diện tích, loại đất, vị trí đất, số lượng tài sản hiện có trên đất, kê khai số nhân khẩu, số lao động... và đề đạt nguyện vọng tái định cư (nếu có) theo hướng dẫn của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Chấp hành đầy đủ và đúng thời gian về thu hồi đất.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.



Phan Ngọc Thọ 15



Mẫu số 01. Thông báo thu hồi đất

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 64 /2014/QĐ-UBND
ngày 25 / 9 / 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

ỦY BAN NHÂN DÂN...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
để thực hiện dự án.....

Căn cứ ¹ ... Luật Đất đai

Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của đã được Ủy ban nhân dân..... phê duyệt ngày.... tháng ... năm ...;

Căn cứ tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án ²

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc của Phòng Tài nguyên và Môi trường) tại Tờ trình số ngày tháng năm.....

Ủy ban nhân dân thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của (ghi tên người có đất thu hồi)

- Địa chỉ thường trú

- Diện tích đất dự kiến thu hồi.....

- Thửa đất số ..., thuộc tờ bản đồ số ... tại xã

- Loại đất đang sử dụng³

2. Lý do thu hồi đất:

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

Trong thời gian bắt đầu từ ngày....tháng ... năm đến ngày....tháng ...năm ⁴

¹ Ghi rõ điểm, khoản nào của Điều 61/62 của Luật Đất đai;

² Ghi rõ tên, địa chỉ dự án ghi trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm ...

³ Một loại hoặc nhiều loại đất

⁴ Trường hợp thu hồi theo từng giai đoạn thực hiện dự án thì ghi rõ thời gian thực hiện từng giai đoạn.

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư:

.....
Ông/bà.....có trách nhiệm phối hợp với⁵ thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Như mục 4;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁵ Ghi rõ tổ chức làm nhiệm vụ ...

Mẫu số 02. Quyết định kiểm đếm bắt buộc
(Ban hành kèm theo Quyết định số 64 /2014/QĐ-UBND
ngày 25 / 9 / 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

ỦY BAN NHÂN DÂN... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiểm đếm bắt buộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung về trình tự, thủ tục thu hồi đất, trưng dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông báo số...../TB-UBND ngày.....tháng.....năm 20.....của Ủy ban nhân về việc thông báo thu hồi đất.....;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-TNMT ngày tháng .. năm 20...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp kiểm đếm bắt buộc, cụ thể như sau:

1. Đối tượng bị kiểm đếm bắt buộc:

- Ông (Bà)..... là sử dụng thửa đất số ... tờ bản đồ số....., xã....., diện tích....., loại đất.....

2. Lý do thực hiện kiểm đếm bắt buộc:.....

3. Thời gian thực hiện kiểm đếm bắt buộc từ ngày tháng năm 20....đến ngày tháng.....năm20...

4. Giao triển khai thực hiện kiểm đếm bắt buộc.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định này cho Ông (Bà)..... ;

3. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã....; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; Công an huyện; các đơn vị có liên quan; Ông (Bà).... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Khoản 4 Điều 2;
- Thanh tra huyện...
- Công an huyện...
- Sở TN&MT (để b/c);
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03. Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc
(Ban hành kèm theo Quyết định số 64 /2014/QĐ-UBND
ngày 25 / 9 / 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

ỦY BAN NHÂN DÂN... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Thông tư số..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung về trình tự, thủ tục thu hồi đất, trưng dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;
Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm..... của ủy ban nhân dân cấp huyện..... về việc kiểm đếm bắt buộc;
Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại số... ngày...tháng năm.....của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, cụ thể như sau:

1. Đối tượng bị cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc:

- Ông (Bà)..... là sử dụng thửa đất số ... tờ bản đồ số....., xã....., diện tích....., loại đất.....

2. Lý do thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc :

3. Thời gian thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc từ ngày tháng năm 20....đến ngày tháng.....năm 20....

4. Giao.....tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định này cho Ông (Bà)..... ;

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã....; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.....; Công an huyện; các đơn vị có liên quan; Ông (Bà).... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Thanh tra huyện, VKSND, CA huyện;
- Sở TN&MT (để b/c);
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04. Quyết định thu hồi đất
(Ban hành kèm theo Quyết định số 64 /2014/QĐ-UBND
ngày 25 / 9 /2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

ỦY BAN NHÂN DÂN... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi đất ¹

ỦY BAN NHÂN DÂN ...

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày...tháng ...năm;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ ²

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số...
.....ngày ... tháng ... năm ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi ... m² đất của ... (ghi tên người có đất bị thu hồi), thuộc thửa đất số ... (một phần hoặc toàn bộ thửa đất), thuộc tờ bản đồ số ... tại

.....

Lý do thu hồi đất:.....³

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn có trách nhiệm giao quyết định này cho Ông (bà) ...; trường hợp Ông (bà) ... không nhận quyết định này

¹ Ghi rõ mục đích thu hồi đất(theo Điều 61/62/64/65 của Luật Đất đai)

² Ghi rõ căn cứ thu hồi đất: Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của được phê duyệt tại Quyết định số của Ủy ban nhân dân; Biên bản, văn bản của.....ngày...tháng năm

³ Ghi rõ mục đích thu hồi đất như (1)

hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ..., tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư....

2. Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân ... thành lập hội đồng định giá hoặc tổ chức đấu giá để xác định phần giá trị còn lại trên đất thu hồi (đối với trường hợp thu hồi đất quy định tại Điểm c, g, h Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai); trình Ủy ban nhân dân phê duyệt kết quả xác định phần giá trị còn lại trên đất thu hồi.

3. Giao hoặc giao để quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân..., các Cơ quan, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- CT và các Phó CT UBND ...;
- Cổng thông tin điện tử ...;
- Cơ quan thanh tra;
-
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05. Thông báo chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 64 /2014/QĐ-UBND
ngày 25 / 9 / 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

ỦY BAN NHÂN DÂN...
TÊN TỔ CHỨC LÀM
NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày tháng năm 201..

Số: /TB-...

THÔNG BÁO (Lần...)

Về chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày...tháng...năm 201..của UBND...về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ dự án đầu tư xây dựng.....

Thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày...tháng...năm 201.. về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện dự án ...

(Đính kèm phương án).

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thông báo kế hoạch chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân như sau:

- Thời gian chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

Bắt đầu vào lúc giờ 00 ngày tháng năm 201.... (thứ)

- Địa điểm chi trả:

- Thủ tục nhận tiền:

Các hộ gia đình có tên trong danh sách bồi thường, hỗ trợ kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày...tháng...năm 201.. của UBND...về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện dự án ...mang theo các giấy tờ sau:

+ Giấy CMND bản chính

+ Nếu cử người nhận thay phải có giấy ủy quyền theo quy định.

+ Bản gốc Giấy chứng nhận QSDĐ, Giấy chứng nhận QSHN ở và QSDĐ ở (nếu có) và các giấy tờ liên quan về nhà, đất.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thông báo và kính đề nghị UBND phường, xã, các đơn vị liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất quan tâm phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Các tổ chức, hộ gia đình cá nhân bị thu hồi đất;
- UBND phường...;
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Mẫu số 06. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất
(Ban hành kèm theo Quyết định số 64 /2014/QĐ-UBND
ngày 25 / 9 / 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

ỦY BAN NHÂN DÂN...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế thu hồi đất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày...tháng ...năm;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân về việc thu hồi đất.....;

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với đang sử dụng thửa đất số ..., thuộc tờ bản đồ số tại xã.....do

địa chỉ

Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngày tháng năm....đến ngày tháng.....năm

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng..... năm...
2. Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn có trách nhiệm giao quyết định này cho.....và niêm yết công khai quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....., địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư
3. Giao ¹ triển khai thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật.
4. Kinh phí phục vụ thực hiện cưỡng chế:.....
.....
5. Sở/Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; các đơn vị có liên quan; ²..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Khoản 5 Điều 2;
- Thanh tra huyện, VKSND, CA huyện...
- Sở TN&MT (để b/c);
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ

² Ghi rõ tên người sử dụng đất